

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08- 6 - 2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái

Ông Nguyễn Duy Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân Thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Minh Q, sinh năm 1996

Địa chỉ: xóm H, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1997

Nơi ĐKKHKT: tổ dân phố C, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Minh Q trình bày:

Anh và chị Trần Thị Mỹ D kết hôn vào ngày 14/8/2020, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống và làm việc tại Hà Tĩnh được thời gian ngắn thì chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm việc. Anh Q, chị D đều làm nghề tự do. Tình cảm vợ, chồng sau khi cưới khá hạnh phúc, được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Khoảng tháng 12 năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Anh Q ở lại thành phố Hồ Chí Minh, còn chị D và con về sống với mẹ đẻ là bà Trần Thị M tại tổ dân phố C, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình mâu

thuần vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xúc phạm nhau. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ, chồng là do tính cách không hòa hợp, suy nghĩ, lối sống khác nhau, sống thiếu quan tâm, chia sẻ, không tôn trọng nhau. Mặc dù, đã được gia đình hai bên và người thân nhiều lần khuyên giải song không có kết quả, vợ chồng không thể hòa hợp. Hiện tình cảm vợ, chồng không còn nên anh Trần Minh Q xin được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ D.

Về con chung: Vợ, chồng có một con chung tên là Trần Nữ Ngọc T, sinh ngày 06/11/2020. Anh Q có nguyện vọng giao con Trần Nữ Ngọc T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Q tự nguyện đóng góp mỗi tháng 4.000.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình hòa giải và giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày:

Chị D thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn và thời gian vợ chồng sống ly thân như anh Q trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra một số mâu thuẫn như bất đồng quan điểm sống, làm ăn kinh tế gặp khó khăn dẫn đến cãi vã nên chị D và con bỏ về nhà mẹ đẻ bà Trần Thị M tại tổ dân phố C, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh sinh sống. Tại biên bản hòa giải thành ngày 27/01/2023 anh Q, chị D đều tự nguyện, thỏa thuận thống nhất xin được thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, ngày 30/01/2023 Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh nhận được đơn xin thay đổi ý kiến nội dung thỏa thuận tại biên bản Hòa giải thành ngày 27/01/2023 của chị Trần Thị Mỹ D. Về quan hệ tình cảm chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên xin được đoàn tụ gia đình. Ngày 30/5/2023 Tòa án nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của chị D, chị xác định hiện nay tình cảm của vợ chồng không còn, nên chị D cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ, chồng có một con chung tên là Trần Nữ Ngọc T, sinh ngày 06/11/2020. Do con còn nhỏ nên chị D có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D yêu cầu anh Trần Minh Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản Hòa giải thành ngày 27/01/2023 anh Q, chị D không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, trong đơn xin thay đổi ý kiến nội dung thỏa thuận tại biên bản Hòa giải thành ngày 27/01/2023 và Đơn yêu cầu phân chia tài sản ngày 15/3/2023 của chị Trần Thị Mỹ D, chị yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh chia đôi tài sản chung của vợ chồng có 01 sổ tiết kiệm gửi tại ngân hàng Agribank thị xã T, tỉnh Nghệ An số tiền 120.000.000 đồng. Ngày 30/5/2023 Tòa án nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của chị D, trong đơn chị xác định về phần tài sản chung của vợ chồng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: anh Trần Minh Q, chị Trần Thị Mỹ D đều xác định tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Anh Q, chị D đều có nguyện vọng là xin được ly hôn. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn anh Trần Minh Q với bị đơn chị Trần Thị Mỹ D là có căn cứ, đúng pháp luật;

Về con chung: anh Q, chị D đều có nguyện vọng giao con chung Trần Nữ Ngọc T cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện con còn nhỏ, đang sống với chị D và bà ngoại, được chị D chăm sóc chu đáo, cho đi học và phát triển bình thường. Vì vậy, cần căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung tên là Trần Nữ Ngọc T, sinh ngày 06/11/2020 cho Trần Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp; Chị Trần Thị Mỹ D yêu cầu anh Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh Q đồng ý. Anh Q, chị D tự nguyện thỏa thuận về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, không ai đe dọa, ép buộc. Vì vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên là có căn cứ, phù hợp;

Về tài sản, nợ chung: quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Minh Q không yêu cầu tòa án giải quyết. Tại biên bản Hòa giải thành ngày 27/01/2023 chị D không yêu cầu giải quyết tài sản. Tuy nhiên, ngày 30/01/2023 chị D làm đơn xin thay đổi ý kiến nội dung thỏa thuận tại biên bản Hòa giải thành ngày 27/01/2023, yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Ngày 15/3/2023 chị Trần Thị Mỹ D nộp đơn yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 sổ tiết kiệm gửi tại ngân hàng Agribank thị xã T, tỉnh Nghệ An có số tiền 120.000.000 đồng, đề nghị Tòa án chia đôi số tiền trên cho hai vợ chồng. Ngày 15/3/2023 Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 83a/2023/TB-HNGĐ để giao cho chị D. Do chị D không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án tiến hành niêm yết thông báo trên cho chị D tại nhà ở, thuộc tổ dân phố C, phường H, thành phố H và niêm yết thông báo tại trụ sở UBND phường H cho chị D. Hết thời gian quy định tại khoản 2 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị D không nộp tiền tạm ứng án phí. Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh đã trả lại đơn khởi kiện cho chị D theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 92, Điều 94 của Bộ luật tố tụng dân sự, là đúng quy định pháp luật. Ngày 30/5/2023 trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị D, chị cũng không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Như vậy, có căn cứ khẳng định: anh Trần Minh Q, chị Trần Thị Mỹ D không có yêu cầu giải quyết về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí:

Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Trần Minh Q khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với chị Trần Thị Mỹ D nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con”. Chị Trần Thị Mỹ D trú tại tổ dân phố C, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn anh Trần Minh Q, bị đơn chị Trần Thị Mỹ D là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Anh Trần Minh Q và chị Trần Thị Mỹ D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Trần Minh Q nhận thấy vợ, chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q xin được ly hôn. Chị Trần Thị Mỹ D cũng thừa nhận quá trình chung sống do khó khăn về kinh tế, do bất đồng về quan điểm nên vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn như cãi vã, sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Tuy nhiên, chị D nhận thấy tình cảm với anh Q vẫn còn nên nguyện vọng của chị là vợ chồng về đoàn tụ gia đình nuôi dạy con cái, chị không đồng ý ly hôn. Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị D đề ngày 27/5/2023 gửi Tòa án, chị D đề nghị giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: tình trạng hôn nhân giữa anh Q, chị D đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn anh Trần Minh Q với bị đơn chị Trần Thị Mỹ D là có căn cứ, đúng pháp luật.

2.2. Về con chung: Anh Trần Minh Q và chị Trần Thị Mỹ D đều thừa nhận vợ chồng có một con chung tên là Trần Nữ Ngọc T, sinh ngày 06/11/2020. Chị Trần Thị Mỹ D có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Trần Minh Q cũng đồng ý giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử xét thấy: chị D, anh Q thỏa thuận về việc nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Bản thân anh Q, chị D đã sống ly thân, hiện con còn nhỏ và sống với

chị D và bà ngoại. Vì vậy, việc thỏa thuận trên là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận. Chị Trần Thị Mỹ D yêu cầu anh Trần Minh Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Trần Minh Q cũng đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con nói trên. Hội đồng xét xử nhận thấy: anh Q hiện đang làm bất động sản, thu nhập ổn định. Mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/1 tháng là phù hợp với khả năng thực tế thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của anh Q và phù hợp với nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Việc thỏa thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận. Anh Trần Minh Q có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Minh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Trần Thị Mỹ D quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày Tòa án lập biên bản Hòa giải thành ngày 27/01/2023, chị D không yêu cầu giải quyết tài sản; ngày 30/01/2023 Tòa án nhận được đơn xin thay đổi nội dung thỏa thuận tại biên bản Hòa giải thành ngày 27/01/2023; ngày 15/3/2023 chị D nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng. Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 83a/2023/TB-HNGĐ ngày 15/3/2023 để giao cho chị D. Do chị D vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nói trên cho chị D theo quy định. Hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 195, chị D không nộp lại biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án nên Tòa án trả đơn khởi kiện cho chị D theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192, Điều 194 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hơn nữa, trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/5/2023 của chị D gửi Tòa án, chị D cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân tài sản. Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[4] **Về án phí sơ thẩm:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn anh Trần Minh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí tiền cấp dưỡng nuôi con.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa anh Trần Minh Q và chị Trần Thị Mỹ D.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Nữ Ngọc T, sinh ngày 06/11/2020 cho chị Trần Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Minh Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Trần Minh Q có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Trần Thị Mỹ D có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng nuôi con chung nếu anh Trần Minh Q không thi hành được thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Minh Q, chị Trần Thị Mỹ D không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: nguyên đơn anh Trần Minh Q tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001174 ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S thành phố Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND phường Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Dũng